

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 464/2025/HS-PT

Ngày: 27/8/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Huân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Huỳnh Văn Trực
2. Bà Lê Thị Thương Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 345/HSPT, ngày 23 tháng 07 năm 2025 đối với các bị cáo Trần B và Trần Văn L, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 202/2025/HSST ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần B; Sinh năm: 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Đăng ký thường trú: Số B, ấp M, xã T huyện Củ Chi (Nay là xã Thái Mỹ), Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Trần Văn H và bà Trần Thị T; Có vợ Trần Thị Tuyết M, sinh năm: 1983 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn L; Sinh năm: 1968, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Đăng ký thường trú: Số H, ấp E, xã T huyện Củ Chi (Nay là xã Thái Mỹ), Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Buôn bán; Con ông Trần Văn H và bà Trần Thị T; Có vợ Hồ Thị H, sinh năm: 1969 và 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh

năm 2009; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

** Bị hại:*

Bà Đồng Thanh X, sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Số 524 Quốc lộ 22, tổ 2, khu phố 6, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi (Nay là xã Tân An Hội), Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Đặng Ngọc T, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Số 549 Tỉnh lộ 7, ấp Mỹ Khánh B, xã Thái Mỹ (Nay là xã Thái Mỹ), huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

2. Ông Nguyễn Long T, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Ấp Tháp, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi (Nay là xã Thái Mỹ), Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

3. Ông Trần Văn T, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Số 166 đường số 690, ấp Bình Thượng 2, xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi (Nay là xã Thái Mỹ), Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

4. Ông Nguyễn Thành P, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng (Nay là phường An Tịnh), tỉnh Tây Ninh - Có mặt.

5. Bà Đồng Thanh X, sinh năm: 1973; Nơi cư trú: Số 524 Quốc lộ 22, tổ 2, khu phố 6, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi (Nay là xã Tân An Hội), Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Trần B:*

1. Ông Nguyễn Đức Linh là Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Đức Linh AHCM; Địa chỉ: Số 96/96E (tầng 3) Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1 (Nay là phường Sài Gòn), Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

2. Ông Đỗ Tấn Đức là Luật sư Văn phòng Luật sư Đồng Nhân; Địa chỉ: Số 79 Tỉnh lộ 8, khu phố 7, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi (Nay là xã Tân An Hội), Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn L:* Ông Nguyễn Đức Linh là Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Đức Linh AHCM; Địa chỉ: Số 96/96E (tầng 3) Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1 (Nay là phường Sài Gòn), Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thường xuyên đến Cửa hàng nội thất Út Đ của bà Đồng Thanh X thuộc tổ 2, khu phố 6, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi (Nay là xã Tân An Hội) Thành phố Hồ Chí Minh để mua đồ nên Trần B và bà X quen biết nhau. Ngày 18/02/2023, bà X điện thoại hỏi vay mượn Trần B số tiền 100.000.000đ, thỏa thuận miệng mỗi ngày bà X phải đóng 500.000đ tiền lãi, tương đương 0,5%/ngày. Khi vay bà X có viết giấy mượn tiền, thời hạn trả đến ngày 10/3/2023 sẽ trả nợ gốc, khoảng từ 5 đến 10 ngày bà X sẽ trả tiền lãi một lần. Đến ngày 22/2/2023, bà X đã trả lãi được 2.000.000đ (là tiền lãi 04 ngày của 100.000.000đ). Vậy số tiền lãi hợp pháp quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 mà Bình được nhận là $20\%/365 \text{ ngày} \times 100.000.000\text{đ} \times 04 \text{ ngày} = 219.178\text{đ}$. Số tiền lãi bất hợp pháp Bình hưởng từ việc cho vay tiền này là $1.780.822\text{đ} (2.000.000\text{đ} - 219.178\text{đ})$.

Ngày 23/02/2023, bà X tiếp tục hỏi vay mượn thêm của Trần B 30.000.000đ. Bà X có viết giấy nợ và thỏa thuận miệng mỗi ngày bà X phải đóng 150.000đ tiền lãi, tương đương 0,5%/ngày. Khi vay bà X có viết giấy mượn tiền, thời hạn trả đến ngày 15/3/2023 sẽ trả nợ gốc. Tổng cộng bà X nợ Bình 130.000.000đ tiền gốc và tiền lãi mỗi ngày bà X phải trả cho Trần B là 650.000đ. Bà X trả lãi cho Trần B bằng cách chuyển khoản vào tài khoản 0110341972 mở tại Ngân hàng TMCP Đông Á mang tên Trần B, ngoài ra Trần B còn nhiều lần đến cửa hàng của bà X để lấy tiền lãi.

Bà X trả lãi cho Trần B đến ngày 22/06/2023 thì không còn khả năng trả lãi nên xin ngừng. Tiền lãi tính từ ngày 24/02/2023 đến ngày 22/6/2023 là 118 ngày, tương đương 76.700.000đ trong đó giao dịch *chuyển khoản* tổng cộng 11 lần với số tiền 40.950.000đ, còn lại Trần B đến cửa hàng lấy tiền lãi.

Như vậy số tiền lãi hợp pháp quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 mà Trần B được nhận từ ngày 24/02/2023 đến ngày 22/6/2023 là 118 ngày với số tiền: $20\%/365 \text{ ngày} \times 130.000.000\text{đ} \times 118 \text{ ngày} = 8.405.479\text{đ}$. Số tiền lãi bất hợp pháp Trần B hưởng từ việc cho vay tiền này là $68.294.521\text{đ} (76.700.000\text{đ} - 8.405.479\text{đ})$.

Ngày 17/7/2023, bà X trả cho Bình được 70.000.000đ tiền nợ gốc và còn nợ lại 60.000.000đ. Sau nhiều lần Trần B nhắn tin đe dọa nếu không trả tiền đúng hạn sẽ đến cửa hàng gây sự không cho bà X buôn bán thì đến ngày 11/10/2023 bà X tiếp tục trả được tiền gốc tổng cộng 23.000.000đ, còn nợ lại 37.000.000đ.

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 11/10/2023, Trần B nói với anh ruột là Trần Văn L là “*Có bà bán nội thất thiếu nợ nhưng không trả, giờ xuống nói bà coi sao, không được thì lấy tử mang về để trừ nợ*”, L đồng ý đi. Trần B kêu Nguyễn Long T, Đặng Ngọc T, Trần Văn T đi cùng để khiêng đồ giúp. Trần B nhờ L thuê tài xế xe tải là ông Nguyễn Thành P đến tiệm nội thất của bà X để chở đồ về. Khi Trần B,

L cùng với các ông Long T, T, Văn T tới tiệm nội thất Út Đ thì chỉ có bà X cùng mẹ của bà Xđang ở tiệm. Trần B lớn tiếng nói với bà X là phải trả tiền, nếu không Trần B sẽ lấy tài sản để trừ nợ, bà X không đồng ý. Trần B sợ mình nóng giận mất bình tĩnh nên đứng ở phía trước tiệm rồi đi vòng vòng xem tủ cùng những người khác, nhờ L vào nhà nói chuyện để thương lượng về việc sẽ lấy những tài sản để trừ vào số tiền mà bà Xđang còn nợ. Sau khi L và bà Xngồi vào bàn nói chuyện khoảng 05 đến 10 phút thì tài xế Phục lái xe tải đến. Kết quả thương lượng giữa L và bà X không thành công do bà X không có tiền để trả cho Trần B nên Trần B cùng với L chọn đẩy lần lượt các kệ tủ ra bên ngoài. Thành, T và tài xế Phục lần lượt đẩy, khiêng 01 kệ tủ bằng gỗ gõ đỏ, kích thước khoảng 104x50x200cm; 01 kệ tủ bằng gỗ gõ đỏ, kích thước khoảng 76x48x157cm; 02 kệ tủ bằng gỗ gõ đỏ, kích thước khoảng 85x47x195cm ra xe tải. Khi bắt đầu lấy tủ, bà X không đồng ý nhưng vì chỉ có bà X và mẹ bà X đã già yếu ở tiệm, nên bà X lo sợ Trần B cùng nhóm người đi cùng quây, ảnh hưởng đến việc buôn bán, vì trước đó Bình có nhắn tin cho bà X sẽ xuống dọn tiệm, không cho bà X buôn bán nên bà X không dám ngăn cản, buộc phải để Bình lấy tài sản để trừ nợ. Khi lấy đến cái kệ tủ thứ 4 thì bà X có nói là giá trị đã nhiều hơn số tiền bà X còn nợ là 2.900.000đ, Trần B nghe vậy chửi lại và không đồng ý với giá mà bà X đưa ra. Trần B nói lấy 04 cái kệ tủ này là trừ đủ vào số tiền 37.000.000đ bà X còn nợ trước đó. Sau đó Trần B cùng những người khác cùng nhau đi về. Đến ngày 21/12/2023, bà X đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi trình báo sự việc.

Kết quả điều tra xác định Nguyễn Long T, Trần Văn T, Đặng Ngọc T và Nguyễn Thành P không biết việc Trần B đến cửa hàng nội thất của bà X để chiếm đoạt tài sản trừ nợ. Trần B không thuê hay trả công gì cho Long T, Văn T và T, có trả tiền thuê xe cho Phục 300.000đ để chở đồ, không nói là chở đồ đòi nợ hay mục đích vi phạm nào khác.

Kết quả định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTSN ngày 15/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng trị giá 37.800.000 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng), gồm:

Vật chứng thu giữ:

- 01 (Một) kệ tủ bằng gỗ gõ đỏ, kích thước khoảng 104x50x200cm; 01 kệ tủ bằng gỗ gõ đỏ, kích thước khoảng 76x48x157cm; 02 kệ tủ bằng gỗ gõ đỏ, kích thước khoảng 85x47x195cm là tài sản của bà X nên đã trả lại cho bà X theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 140/QĐ-ĐCSHS ngày 25/12/2023 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi;

- 01 (Một) xe tải có mui, nhãn hiệu KIA màu sơn xanh, biển kiểm soát 51D-219.64, số máy JT580792, số khung B27T8C029636 (đã qua sử dụng) được xác định là của ông Nguyễn Thành P được thuê để chở hàng, không sử dụng vào mục đích thực hiện hành vi phạm tội nên đã trả lại cho ông Phục theo Quyết định xử lý

tài sản, đồ vật, tài liệu số 140/QĐ-ĐCSHS ngày 25/12/2023 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi;

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus số Imei: 356775081155498 là điện thoại bị can Trần B sử dụng liên quan hành vi “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và “Cưỡng đoạt tài sản”;

- 37 (Ba mươi bảy) tờ giấy A4 hình ảnh được trích xuất từ dữ liệu điện thoại di động của bị can Trần B; 01 tờ giấy tập có nội dung vay tiền giữa bà X và bị can Trần B và 01 USB hiệu Kingston màu đỏ bên trong chứa 08 đoạn video là tài liệu kèm theo đưa vào hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 40/CT-VKSCC ngày 13/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 8) để xét xử bị cáo Trần B về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, theo khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Trần Văn L về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 202/2025/HSST ngày 19/06/2025 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần B phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”; bị cáo Trần Văn L phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

1. Đối với bị cáo Trần B:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần B 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 170 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần B 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tổng hợp hình phạt cho 02 tội buộc bị cáo Trần B phải chấp hành hình phạt 02 (Hai) năm 02 (Hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Đối với bị cáo Trần Văn L:

Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 20/06/2025, bị cáo Trần B kháng cáo yêu cầu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm theo hướng tuyên bị cáo vô tội, bởi vì: Về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” bị cáo không nhận một đồng tiền lãi nào từ bị hại. Về tội “Cưỡng đoạt tài sản” bị hại tố cáo bị cáo vì số tiền 2,5 triệu đồng, là mức giá trị tài sản chênh hơn so với giá niêm yết tài sản của bị hại chứ không phải vì bị cáo nhận các tài sản của bị hại.

- Ngày 20/06/2025, bị cáo Trần Văn L kháng cáo yêu cầu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm theo hướng tuyên bị cáo vô tội, vì bị hại tố cáo để đòi số tiền 2,5 triệu đồng, chứ không phải vì bị cáo nhận các tài sản của bị hại.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Sau khi kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, phát biểu ý kiến nêu quan điểm về việc xét xử vụ án: Về tố tụng, đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định và hợp lệ, nên được chấp nhận. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần B về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xét xử bị cáo Trần Văn L về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo kháng cáo kêu oan, nhưng ngoài các tài liệu chứng cứ đã được xem xét ở cấp sơ thẩm, tại cấp phúc thẩm các bị cáo cũng không cung cấp được T tiết nào mới để xem xét. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo Trần B và Trần Văn L. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 202/2025/HSST ngày 19/06/2025 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo Trần B khai: Do quen biết và bà Xnăn nỉ quá nên bị cáo cho bà Xmượn 2 lần tổng cộng số tiền là 130.000.000 đồng. Bị cáo cho bà Xmượn tiền không có lãi suất, bà Xtự đưa ra mức lãi suất 650.000đ/ngày. Ngày 22/02/2023, bà Xđưa cho bị cáo 2.000.000đ tiền uống cà phê. Đến hạn trả bà Xkhông trả tiền gốc cho bị cáo, nên bị cáo thường xuyên điện thoại và nhắn tin đòi tiền thì bà Xtrả tiền gốc cho bị cáo nhiều lần bằng cách chuyển vào tài khoản của bị cáo mở tại Ngân

hàng và trả trực tiếp cho bị cáo với tổng số tiền là 93.000.000đ, bà X còn nợ 37.000.000đ. Bị cáo chưa nhận được đồng tiền lãi nào của bà Xuân. Khi bị cáo cùng anh Trần Văn L cùng đi xuống tiệm gặp bà X để đòi số tiền nợ 37.000.000 đồng nhưng bà X không có tiền trả, bị cáo nói không có tiền thì lấy đồ gỗ trừ nợ, bà X không phản ứng gì. Bị cáo kêu anh L chọn 04 kệ tủ bằng gỗ đồ đẩy ra bên ngoài và kêu người khiêng ra xe tải, bà X nói 04 cái tủ trị giá hơn số tiền còn nợ 2.900.000đ, bị cáo nói lấy 04 cái tủ trừ số tiền còn nợ 37.000.000đ rồi cho chở hàng về. Khi lấy kệ tủ ra thì bị cáo và L không ai chửi bới đe dọa bà Xuân. Vì vậy bị cáo không phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Bị cáo Trần Văn L khai nhận về việc cùng với Bình và một số người đến tiệm bán đồ gỗ của bà Xuân, bị cáo chỉ ngồi nói chuyện với bà X về việc nợ tiền của Bình bị cáo không chửi bới đe dọa bà Xuân. Khi bị cáo và Bình lấy 04 cái kệ tủ thì bà X chỉ nói 04 cái kệ tủ trị giá nhiều hơn số tiền còn nợ là 2.900.000đ, thì Bình không đồng ý, sau đó cả nhóm mang 04 cái tủ về nhà Bình. Tòa án huyện Củ Chi xử oan cho bị cáo, nên xin cấp phúc thẩm tuyên bị cáo vô tội.

- Bị hại Đồng Thanh X trình bày: Việc bà vay mượn tiền của bị cáo Bình đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Bà đã vay của bị cáo Bình 02 lần với tổng số tiền 130.000.000đ, tiền lãi 650.000 đồng/ngày. Từ ngày 19/02/2023 đến ngày 22/6/2023, bà đã đóng tiền lãi cho Trần B với tổng số tiền khoảng 77.000.000đ thì không còn khả năng, nên ngừng đóng lãi và xin trả nợ gốc. Từ ngày 22/6/2023 đến ngày 17/7/2023 bà trả tiền gốc cho Trần B nhiều lần được khoảng 70.000.000đ, đến khoảng tháng 9/2023, bà tiếp tục trả cho Bình 23.000.000đ tiền gốc nữa, còn nợ 37.000.000đ. Do bà chưa có tiền trả nên Bình thường xuyên nhắn tin chửi bới nặng nề, đòi xuống cửa hàng quậy phá không cho bà buôn bán. Ngày 11/10/2023, bị cáo Bình, L và 3-4 người đến tiệm nội thất của bà trong lúc chỉ có bà và mẹ già ở tiệm. Bình vừa đến đã chửi bà, và kêu L lấy 04 kệ tủ đẩy ra ngoài để cản trả nợ, bà không đồng ý và xin cho thêm vài ngày nữa bán được xe ô tô sẽ trả hết nhưng Bình và L không đồng ý mà vẫn đưa kệ tủ ra ngoài cho lên xe tải chở đi. Vì bên Bình có tới 05 người đàn ông và trước đó Bình nhiều lần nhắn tin chửi bới đe dọa, nên bà sợ không dám phản kháng.

- Người bào chữa cho các bị cáo Trần B và Trần Văn L trình bày quan điểm bào chữa như sau:

+ Luật sư Nguyễn Đức Linh bào chữa cho bị cáo Trần B: Bị cáo Bình không phạm tội cho vay lãi nặng vì bị cáo cho bà X mượn tiền không có lãi, không có tài liệu nào chứng minh bị cáo Bình cho vay nặng lãi. Bà X tự viết, tự ký giấy vay tiền cũng như các giấy tờ đóng lãi, không có chữ ký của bị cáo Bình trên các giấy tờ này. Bà X không xác định được trong số tiền đã trả cho Bình, tiền nào là tiền lãi, tiền nào là tiền gốc. Bị cáo Bình chỉ thừa nhận số tiền bà X trả là tiền gốc, không có

tiền lãi, do đó bị cáo Bình không phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Bị cáo Bình không hề dùng vũ lực, chỉ chửi bà X vì bà X mượn tiền đã lâu không trả. Bà X không trả tiền thì việc Bình lấy tài sản để cản trừ số nợ là giao dịch dân sự là bình thường. Số tiền Bình lấy cản trừ chênh lệch 2.900.000đ bà X không phản kháng chống đối, chỉ yêu cầu Bình trả 2.900.000đ, bị cáo Bình chỉ lấy tài sản của bà X có giá trị bằng với số tiền bà X còn thiếu là 37.000.000đ. Đây là sự tự thỏa thuận giữa bà X với bị cáo Bình, bà X tự nguyện giao tài sản để cản trừ nợ, không bị ép buộc. Do đó bị cáo Bình không phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

+ Luật sư Nguyễn Đức Linh trình bày lời bào chữa cho bị cáo Trần Văn L: Bị cáo L là anh ruột của bị cáo Bình nên khi biết bị cáo Bình có chuyện thì cùng bị cáo Bình đến gặp bà X giải quyết, bị cáo L chỉ nói chuyện nhẹ nhàng, không có cử chỉ hay hành động đe dọa bà Xuân. Bị cáo Bình không phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, nên không thể xem bị cáo L là đồng phạm. Khi lấy tài sản thì bà X vẫn bình thường không kêu la phản ứng gì, do đó bị cáo L không phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo vô tội.

+ Luật sư Đỗ Tấn Đức trình bày lời bào chữa cho bị cáo Bình: Đề nghị Hội đồng xét xử làm rõ các lần trả tiền và số tiền bà X trả cho bị cáo Bình là không trùng khớp, thực chất bà X chỉ trả tiền gốc cho bị cáo Bình nhiều lần với tổng số tiền là 93.000.000đ. Các sản phẩm tại cửa hàng của bà X đều có ghi rõ giá bán, bị cáo Bình đã chọn 04 cái tủ bằng với số tiền bà X còn thiếu, khi bị cáo Bình chọn tủ để lấy bà X không có phản ứng gì, nhưng khi bị cáo Bình kêu người khiêng tủ ra xe thì bà X cộng tiền lại nói dư 2.900.000đ và kêu bị cáo Bình đưa thêm 2.900.000đ nhưng bị cáo Bình không chịu, điều này có thể được hiểu là bà X đồng ý cho ông Bình lấy 04 cái tủ để cản trừ số tiền còn thiếu là 37.000.000đ. Do đó bị cáo Bình không phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tranh luận đối đáp với các Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần B, Trần Văn L:

Không đồng ý với quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo về việc cho rằng án sơ thẩm kết tội các bị cáo không có căn cứ, bởi vì: Theo các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo tại Bản tường trình, bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung của bị cáo Bình, đã thừa nhận hành vi cho vay lãi nặng, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác như bản sao kê tài khoản của bị cáo Bình tại Ngân hàng, nội dung tin nhắn giữa bị cáo Bình với bà Xuân. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần B về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” là có căn cứ, không oan.

- Do bà X còn nợ bị cáo Bình 37.000.000 đồng, nên Bình rủ L đến tiệm của bà X đòi nợ, khi đi Bình còn rủ thêm 02 người khác đi cùng để khiêng đồ. Do chưa

có tiền nên bà Xxin thêm vài ngày bán tài sản khác để trả nợ, nhưng Bình không đồng ý mà kêu L vào tiệm lấy 04 tủ kệ gỗ để cản trừ nợ mà không được sự đồng ý của bà Xuân. Trước khi đi bị cáo Bình nhiều lần nhắn tin đe dọa bà X có các nội dung: *“Từ đây tới chiều gọi hết cho tui. Tui xuống chỗ bán có chuyện với tui”*; *“Đừng để tui xuống tiệm không còn bán luôn”*; *“Sáng mai tao xuống dọn không còn gì. Đụ mẹ ba trợn”*; *“Đụ mẹ mày sáng ngày mai tao không dọn tao là con chó”*; *“Đụ mẹ chút tao xuống tao dọn không còn gì thử coi còn bán không”*; *“Đụ má tao không nói nhiều. Tao không dọn đồ tao con chó. Đụ má mày thử coi tao dám làm không. Sáng ngày mai tao cho mày biết”*; *“Đụ mẹ tao không muốn nói nhiều. Lần này tao không dọn mày tao con chó”*. Đây là thủ đoạn uy hiếp tinh thần làm cho bà X không dám ngăn cản để các bị cáo chiếm đoạt tài sản. Khi bà X nói với Bình giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã lớn hơn số tiền bà X nợ Bình, nhưng các bị cáo vẫn chiếm đoạt. Bị cáo L đồng ý thuê xe tải đến tiệm bà X chở đồ về cho bị cáo Bình, cùng Bình đưa tài sản ra ngoài mặc dù không được bị hại đồng ý, là đồng phạm của bị cáo Bình. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có căn cứ.

Sau khi tranh luận, đối đáp các bên vẫn giữ nguyên quan điểm, ý kiến như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần B và Trần Văn L làm trong thời hạn luật định và hợp lệ về hình thức, theo quy định tại các Điều 332, 333 và 334 của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được chấp nhận để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Trần B, Trần Văn L:

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, qua đó đã đủ cơ sở xác định: Ngày 18/02/2023 bị cáo Trần B có hành vi cho bà Đồng Thanh X vay số tiền 100.000.000đ với lãi suất 0,5%/ngày. Đến ngày 22/2/2023 bà X đã trả lãi được 2.000.000đ (tiền lãi 04 ngày của số tiền gốc 100.000.000đ). Vay số tiền lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự mà Bình được nhận là $20\%/365 \text{ ngày} \times 100.000.000\text{đ} \times 04 \text{ ngày} = 219.178\text{đ}$. Số tiền lãi bất hợp pháp Bình hưởng từ việc cho vay tiền này là $1.780.822\text{đ} (2.000.000\text{đ} - 219.178\text{đ})$.

Ngày 23/02/2023 cũng với lãi xuất và cách thức trả nợ gốc và lãi như trên, bà X tiếp tục vay thêm của Trần B 30.000.000đ. Tổng cộng bà X nợ Bình 130.000.000đ tiền gốc và tiền lãi phát sinh mỗi ngày là 650.000đ. Bà X trả tiền lãi cho Trần B

bằng cách chuyển khoản vào tài khoản 0110341972 mở tại Ngân hàng TMCP Đông Á mang tên Trần B tổng cộng 11 lần giao dịch với tổng số tiền 40.950.000đ, ngoài ra Bình còn nhiều lần đến tiệm của bà Xđể lấy tiền lãi. Đến ngày 22/6/2023 thì bà Xkhông còn khả năng nên ngừng trả lãi và xin được trả nợ gốc. Bà Xđã trả tiền lãi cho Bình từ ngày 24/02/2023 đến ngày 22/6/2023 là 118 ngày, tương đương số tiền 76.700.000đ. Như vậy số tiền lãi hợp pháp quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự mà Trần B được nhận từ ngày 24/02/2023 đến ngày 22/6/2023 là 118 ngày là: $20\%/365 \text{ ngày} \times 130.000.000\text{đ} \times 118 \text{ ngày} = 8.405.479\text{đ}$. Số tiền lãi bất hợp pháp Trần B hưởng từ việc cho vay tiền này là 68.294.521đ (76.700.000đ - 8.405.479đ). Tổng cộng số tiền Bình thu lợi bất chính từ việc cho bà Xvay là 70.075.343đ (1.780.822đ + 68.294.521đ) lãi suất 180%/năm, gấp từ 09 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định.

Ngày 17/7/2023, bà Xtrả cho Bình 70.000.000đ tiền nợ gốc, sau đó trả tiếp được 23.000.000đ, còn nợ lại 37.000.000đ, do bà Xchưa có tiền trả nợ nên Bình thường xuyên nhắn tin đe dọa. Ngày 11/10/2023, bị cáo Trần B nói với anh ruột là Trần Văn L “Có bà bán nội thất thiếu nợ nhưng không trả, giờ xuống nói bà coi sao, không được thì lấy tử mang về để trừ nợ”, L đồng ý đi cùng. Khi đến tiệm của bà Xuân, Trần B lớn tiếng chửi bới yêu cầu bà Xphải trả tiền. L vào nói chuyện với bà Xyêu cầu trả nợ, nếu không trả sẽ lấy tài sản trong tiệm để trừ vào số tiền đang còn nợ nhưng bà Xkhông đồng ý và xin Bình, L cho thêm vài ngày nữa bán được xe ô tô sẽ trả tiền, nhưng Bình không đồng ý và cùng với Trần Văn L vào tiệm đẩy 04 chiếc kệ tủ ra bên ngoài, rồi kêu những người đi theo đưa lên xe tải do L kêu đến. Do chỉ có bà Xvà mẹ đã già yếu ở nhà trong khi nhóm của Bình có 05 người đàn ông nên bà Xlo sợ Trần B cùng nhóm người đi cùng quậy phá, ảnh hưởng đến việc buôn bán, vì trước đó Bình đã nhiều lần nhắn tin chửi bới đe dọa xuống dọn tiệm, nên bà Xkhông dám ngăn cản buộc phải để Bình lấy tài sản. Khi thấy Bình lấy số tài sản có giá trị lớn hơn số tiền nợ là 2.900.000đ, thì bà Xphản ứng yêu cầu Bình trả lại nhưng Bình chửi lại và không đồng ý với bà Xsau đó cùng những người khác đưa hàng về.

Với những hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Văn Bình về các tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” và “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 và khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xét xử bị cáo Trần Văn L về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét kháng cáo kêu oan của các bị cáo Trần B, Trần Văn L và quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án như: lời khai của bị cáo Trần B tại các Bản tường trình, Bản tự khai, Biên bản ghi lời

khai, Biên bản hỏi cung, Biên bản đối chất, Biên bản xác nhận... của bị cáo Bình tại cơ quan điều tra (Bút lục số 05-08, 24-27, 63-68, 175-183, 189, 190...), qua đó bị cáo Bình đã thừa nhận về số tiền cho vay, lãi xuất và tiền lãi tiền gốc đã nhận, phù hợp với lời khai của bà X (Bút lục 02-04, 189-190, 219-220) và các tài liệu chứng cứ khác như: Bản sao kê tài khoản của bị cáo Bình tại Ngân hàng, nội dung tin nhắn giữa bị cáo Bình với bà X (Bút lục số 295-212). Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Bình thay đổi lời khai cho rằng không nhận tiền lãi của bà X là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần B về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” là có căn cứ.

- Các bị cáo Bình, L tự ý đến tiệm của bị hại Xuân lấy 04 tủ kệ gỗ để cản trừ số tiền còn nợ là 37.000.000 đồng mà không được sự đồng ý của bị hại. Trước khi đi bị cáo Bình nhiều lần nhắn tin chửi bới đe dọa bị hại (Bút lục số 120-128, 85-108). Mặt khác các bị cáo rủ theo nhiều người đến tiệm của bị hại trong khi đó chỉ có bị hại và mẹ bị hại ở tiệm, Bình tiếp tục chửi bới đe dọa. Với cách thức tiến hành và tương quan lực lượng chênh lệch giữa các bị cáo và bị hại như trên, đây là thủ đoạn khác, uy hiếp tinh thần làm cho bị hại không dám ngăn cản để các bị cáo chiếm đoạt tài sản. Ngay cả khi bị hại phản kháng về giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã lớn hơn số tiền bị hại còn nợ Bình, nhưng bị cáo Bình vẫn chiếm đoạt. Bị cáo Trần Văn L được bị cáo Bình rủ đi xuống nhà bà X để đòi nợ, không được thì siết đồ, bị cáo L đồng ý thuê xe tải đến tiệm bà X chở đồ về cho bị cáo Bình, cùng Bình đưa tài sản ra ngoài mặc dù không được bị hại đồng ý (Bút lục số 09, 147-148, 217-218, 274-276), là đồng phạm của bị cáo Bình. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần B, Trần Văn L về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng cũng không cung cấp thêm được T tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần B, Trần Văn L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 202/2025/HSST ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), Thành phố Hồ Chí Minh.

Lập luận nêu trên cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm, đề nghị của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo, chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; do kháng cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần B, Trần Văn L. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 202/2025/HSST ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 8), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần B 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch Dân sự”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần B 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Trần B phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 170; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Trần B, Trần Văn L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng chịu án phí hình sự phúc thẩm. Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TP-HCM; (3)
- TA ND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- THA-DS; (1)
- (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Khu vực 8; (2)
- TAND Khu vực 8; (1)
- Công an Khu vực 8; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam Chí Hòa PC81B (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM (1)
- Sở Tư pháp; (4)
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (24)

Lê Công Huân